

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/KDTM-ST**

Ngày: 22/02/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2021/TLST-KDTM ngày 26/7/2021, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 05 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-KDTM, ngày 18 tháng 01 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2023/QĐST-KDTM, ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ VN, (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng); địa chỉ: Số 35 , hàng V, quận H, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch HĐQT; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung K – Giám đốc Ngân hàng, Chi nhánh B (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Chủ tịch HĐQT); người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng Bằng G – Giám đốc Phòng Giao dịch (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án dân sự số: 059a/QĐ-QLRR ngày 11/11/2022 của Giám đốc Chi nhánh B) (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Công ty PĐ(sau đây gọi tắt là: Công ty); địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh B; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B – Chức vụ: Giám đốc;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1977;

3.2. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1989.

Đều cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh B.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, đại diện Ngân hàng trình bày:

Do nhu cầu sản xuất kinh doanh nên từ năm 2016 đến năm 2019, Công ty PĐ đã ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng, các khoản vay như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 17.1/2018/5326321/HĐTD ngày 16/05/2019: Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng; mục đích vay: Trả tiền mua tôn mạ màu các loại; lãi suất: 9,5%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; ngày đến hạn 16/09/2019; số tiền đã trả: Gốc: 1.000.000.000 đồng vào ngày 08/06/2020, lãi suất: 26.547.945 đồng; dư nợ đến ngày 22/02/2023 là: Gốc: 0 đồng. Tổng lãi là: 132.202.206 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn: 74.698.630 đồng. Lãi quá hạn: 34.616.438 đồng. Lãi chậm trả lãi: 22.887.138 đồng (được tính 10%/năm trên lãi suất quá hạn).

2. Hợp đồng tín dụng số: 18.1/2018/5326321/HĐTD ngày 17/05/2019: Số tiền vay: 900.000.000 đồng; mục đích vay: Trả tiền mua tôn mạ màu các loại; lãi suất: 9,5%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; ngày đến hạn 17/09/2019; số tiền đã trả: Gốc: 0 đồng, Lãi: 23.658.904 đồng; dư nợ đến ngày 22/02/2023 là: Tiền gốc: 900.000.000 đồng; tổng lãi là: 496.834.547 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn: 298.898.630 đồng. Lãi quá hạn: 146.872.602 đồng. Lãi chậm trả lãi: 51.063.315 đồng (được tính 10%/năm trên lãi suất quá hạn).

3. Hợp đồng tín dụng số: 19.1/2018/5326321/HĐTD ngày 20/05/2019: Số tiền vay: 500.000.000 đồng; mục đích vay: Trả tiền mua tôn mạ màu các loại; lãi suất: 9,5%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; ngày đến hạn 20/09/2019; số tiền đã trả: Tiền gốc: 0 đồng, lãi: 12.753.425 đồng; dư nợ đến ngày 22/02/2023 là: Tiền gốc: 500.000.000 đồng; Tổng lãi là: 275.825.378 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn: 166.054.794 đồng. Lãi quá hạn: 81.400.685 đồng. Lãi chậm trả lãi: 28.369.899 đồng (được tính 10%/năm trên lãi suất quá hạn).

Toàn bộ dư nợ nêu trên được bảo đảm bằng các tài sản sau:

Tài sản 1: Máy cán tôn 02 tầng 11S + 6S và Dây chuyền thiết bị tạo tấm lợp PU6S +11S. Chủ sở hữu: Công ty TNHH phát triển công nghệ Phú Đức. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/5326321/HĐBĐ ngày 05/12/2016.

Tài sản 2: Ô tô có cần cầu nhãn hiệu HINO mang BKS: 98C-101.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019564 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/10/2016. Chủ sở hữu: Ông Nguyễn Văn B. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 01/2017/4931660/HĐBĐ ngày 19/10/2016.

Tài sản 3: Ô tô tải có cần cầu nhãn hiệu FOTON mang BKS: 98C-126.51, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027679 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/09/2017. Chủ sở hữu: Công ty TNHH phát triển công nghệ Phú Đức. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/5326321/HĐBĐ ngày 14/09/2017.

Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang buộc Công ty Phú Đức trả nợ cho Ngân hàng các khoản như sau: số tiền gốc còn nợ là: 1.400.000.000 đồng; số tiền lãi còn nợ tính đến hết ngày 22/02/2023, bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt, lãi chậm trả lãi.

Trường hợp Công ty Phú Đức không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị được phát mại tài sản đã thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn là đại diện Công ty Phú Đức, đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn B có lời khai xác định:

Ông là Giám đốc đại diện của Công ty Phú Đức. Ngày 24/5/2018, Công ty có ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/5326321/HDTD với Ngân hàng. Công ty được vay hạn mức tín dụng là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất, thời hạn, theo như trong hợp đồng. Công ty xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ đồng) gốc và lãi như đơn khởi kiện của Ngân hàng đã nêu tại đơn khởi kiện.

Khi vay, Công ty thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/5326321/HĐBĐ ngày 05/12/2016, tài sản là Máy cán tôn 2 tầng 11S+6S và dây chuyền thiết bị tạo tấm lợp PU⁺S+11S, chủ sở hữu: Công ty TNHH phát triển công nghệ Phú Đức.

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số: 01/2017/4931660/HĐBĐ ngày 18/5/2017, tài sản là ô tô tải có cần cầu nhãn hiệu HINO mang biển kiểm soát: 98C-101.60, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 019564 do Phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/10/2016 mang tên ông Nguyễn Văn B.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/5326321/HĐBĐ ngày 14/9/2017, tài sản là ô tô tải có cần cầu nhãn hiệu FOTON mang biển kiểm soát: 98C-126.51, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 027679 do Phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/10/2016 mang tên Công ty Phú Đức.

Ngân hàng yêu cầu Công ty phải thanh toán khoản nợ gốc lãi, phía Công ty đồng ý trả nợ, nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để công ty có thể trả dần, vì 02 năm dịch Covid-19 diễn ra, công ty làm ăn không thuận lợi, không đủ khả năng tài chính để trả hết nợ Ngân hàng. Trường hợp Công ty không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Còn đối với tài sản là Máy cán tôn 2 tầng 11S+6S và dây chuyền thiết bị tạo tấm lợp PU⁺S+11S, công ty đã bán và số tiền bán được nộp lại cho phía Ngân hàng để thanh lý một phần nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị T: Trong quá trình làm việc Toà án đã tiến hành niêm yết tại nơi cư trú các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vẫn không có mặt để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

2. Buộc Công ty PD phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền gốc là: 1.400.000 đồng và lãi suất đến nay là 904.862.131 đồng.

3. Trường hợp Công ty PD không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/5326321/HĐBĐ ngày 05/12/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/5326321/HĐBĐ ngày 14/9/2017.

5. Về án phí và chi phí tố tụng:

Công ty Phú Đức phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định và nộp trả cho ngân hàng chi phí thẩm định tài sản.

Hoàn trả cho ngân hàng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Việc khởi kiện của Ngân hàng là vụ án kinh doanh thương mại. Nay xảy ra tranh chấp về việc thanh toán Hợp đồng tín dụng là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về thủ tục tố tụng:

Đại diện bị đơn là Công ty Phú Đức, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị T vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án giao các văn bản tố tụng để triệu tập và niêm yết giấy triệu tập phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Thời gian ký kết các hợp đồng ngày 16, 17 và 20/5/2019, ngày 22/7/2021 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp:

4.1. Hợp đồng tín dụng số: 17.1/2018/5326321/HĐTD ngày 16/05/2019:
Số tiền vay: 0 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/02/2023): Lãi trong hạn: 74.698.630 đồng. Lãi quá hạn: 34.616.438 đồng. Lãi chậm trả lãi: 22.887.138 đồng. Tổng cộng lãi là: 132.202.206 (một trăm ba mươi hai triệu, hai trăm linh hai nghìn, hai trăm linh sáu đồng);

4.2. Hợp đồng tín dụng số: 18.1/2018/5326321/HĐTD ngày 17/05/2019:
Số tiền vay: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/02/2023): Lãi trong hạn: 298.898.630 đồng. Lãi quá hạn: 146.872.602 đồng. Lãi chậm trả lãi: 51.063.315 đồng. Tổng cộng lãi là: 496.834.547 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng).

4.3. Hợp đồng tín dụng số: 19.1/2018/5326321/HĐTD ngày 20/05/2019:
Số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/02/2023): Lãi trong hạn: 166.054.794 đồng. Lãi quá hạn: 81.400.685 đồng. Lãi chậm trả lãi: 28.369.899 đồng. Tổng cộng lãi là: 275.825.378 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng).

Giữa các bên tham gia ký kết vay tiền và thế chấp tài sản đều tự nguyện, cam kết rõ ràng, các bên đều thừa nhận. Do đó, hình thức hợp đồng, nội dung hợp đồng và chủ thể giao kết hợp đồng của hợp đồng tín dụng trên đều phù hợp với các Điều 317 và 463 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện: Do các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là hợp pháp. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật dân sự. Buộc Công ty Phú Đức phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên.

[6]. Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khoản vay theo các hợp đồng thế chấp của Ngân hàng trong trường hợp Công ty Phú Đức không trả được khoản nợ, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận theo khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp Công ty Phú Đức không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm thế chấp của người thế chấp, cụ thể các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp, gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/5326321/HĐBĐ ngày 05/12/2016, tài sản là Máy cán tôn 2 tầng 11S+6S và dây chuyền thiết bị tạo tấm lợp PU⁺S+11S, chủ sở hữu: Công ty TNHH phát triển công nghệ Phú Đức.

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số: 01/2017/4931660/HĐBĐ ngày 18/5/2017, tài sản là ô tô tải có cần cẩu nhãn hiệu HINO mang biển kiểm soát: 98C-101.60, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 019564 do Phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/10/2016 mang tên ông Nguyễn Văn B.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/5326321/HĐBĐ ngày 14/9/2017, tài sản là ô tô tải có cần cẩu nhãn hiệu FOTON mang biển kiểm soát: 98C-126.51, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 027679 do Phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/10/2016 mang tên Công ty TNHH phát triển công nghệ Phú Đức.

[7]. Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ vào Điều 147, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc Công ty PD phải chịu án phí và nộp trả cho ngân hàng chi phí tố tụng. Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. Về lãi suất chậm trả: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 158, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 323, Điều 429, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam đối với Công ty PĐ và thế chấp của bên thứ ba.

2. Buộc Công ty PĐ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam các khoản tiền vay tín dụng theo các hợp đồng:

2.1. Hợp đồng tín dụng số: 17.1/2018/5326321/HĐTD ngày 16/05/2019:
Số tiền vay: 0 đồng. Lãi trong hạn: 74.698.630 đồng. Lãi quá hạn: 34.616.438 đồng. Lãi chậm trả lãi: 22.887.138 đồng. Tổng cộng lãi là: 132.202.206 (một trăm ba mươi hai triệu, hai trăm linh hai nghìn, hai trăm linh sáu đồng);

2.2. Hợp đồng tín dụng số: 18.1/2018/5326321/HĐTD ngày 17/05/2019:
Số tiền vay: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Lãi trong hạn: 298.898.630 đồng. Lãi quá hạn: 146.872.602 đồng. Lãi chậm trả lãi: 51.063.315 đồng. Tổng cộng lãi là: 496.834.547 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng).

2.3. Hợp đồng tín dụng số: 19.1/2018/5326321/HĐTD ngày 20/05/2019:
Số tiền vay: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Lãi trong hạn: 166.054.794 đồng. Lãi quá hạn: 81.400.685 đồng. Lãi chậm trả lãi: 28.369.899 đồng. Tổng cộng lãi là: 275.825.378 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng).

3. Về tài sản thế chấp:

Trong trường hợp Công ty PĐ không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm thế chấp của người thế chấp, cụ thể các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp của bên thứ ba, gồm:

3.1. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/5326321/HĐBĐ ngày 05/12/2016, tài sản là Máy cán tôn 2 tầng 11S+6S và dây chuyền thiết bị tạo tấm lợp PU^S+11S, chủ sở hữu: Công ty TNHH phát triển công nghệ Phú Đức.

3.2. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số: 01/2017/4931660/HĐBĐ ngày 18/5/2017, tài sản là ô tô tải có cần cẩu nhãn hiệu HINO mang biển kiểm soát: 98C-101.60, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 019564 do Phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/10/2016 mang tên ông Nguyễn Văn B.

3.3. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/5326321/HĐBĐ ngày 14/9/2017, tài sản là ô tô tải có cần cẩu nhãn hiệu FOTON mang biển kiểm soát: 98C-126.51, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 027679 do Phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/10/2016 mang tên Công ty TNHH phát triển công nghệ Phú Đức.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

4.1. Công ty PĐ phải nộp 78.097.000 đồng (Bảy mươi tám triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002393 ngày 22/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4.3. Công ty PĐ phải nộp trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) chi phí thẩm định tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/02/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đại diện Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Kiên

